TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 517/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1989. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 36/2 ấp TB, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lữ Văn C, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: 147/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lữ Văn C kết hôn tự nguyện vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/8/2007. Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh C là do anh C không lo làm ăn, thường nhậu nhẹt, khi nhậu say còn chửi mắng vợ con. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên anh C bớt nhậu nhẹt, lo làm ăn để chăm lo cho gia đình nhưng anh C không thay đổi. Chị đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn tại tòa nhưng vì muốn cho anh C cơ hội nên đã rút đơn nhưng anh C không chịu sửa đổi. Khi chị gửi đơn ly hôn anh C biết nhưng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân

không hạnh phúc, chị và anh C không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho chị.

Về nuôi con chung: chị và anh C có hai con chung là Lữ Thị Anh T, sinh ngày 27/3/2007 và Lữ Minh T, sinh ngày 14/6/2016, con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lữ Văn C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập nhưng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án cũng không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Tú T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lữ Văn C chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị T có yêu cầu ly hôn do anh C không lo làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình và xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh C thì hôn nhân giữa anh C và chị T có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hòa giải được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh C. Do chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về nuôi con chung: chị T và anh C có hai con chung là Lữ Thị Anh T, sinh ngày 27/3/2007 và Lữ Minh T, sinh ngày 14/6/2016 đang sống chung với chị T, được chị T chăm sóc tốt, cháu T được đi học và có nguyện vọng sống chung với chị T; chị T có đủ điều kiện nuôi con nên giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về chia tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tú T thì đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Lữ Văn C có nơi cư trú tại 147/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[3] *Về tố tụng:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Tú T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lữ Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Lữ Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/8/2007 nên hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị T có yêu cầu ly hôn do anh C không lo làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình và xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Anh C biết rõ việc chị T có đơn xin ly hôn với anh và đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh C thì hôn nhân giữa anh C và chị T có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hòa giải được. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh C. Do chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[4] *Về nuôi con chung*: chị T và anh C có hai con chung là Lữ Thị Anh T, sinh ngày 27/3/2007 và Lữ Minh T, sinh ngày 14/6/2016 đang sống chung với chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu T được đi học và có nguyện vọng sống với chị T, chị T có đủ điều kiện nuôi con nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị T, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về chia tài sản:* chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú T. Cho chị Nguyễn Thị Tú T ly hôn với anh Lữ Văn C. Chị T và anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lữ Thị Anh T, sinh ngày 27/3/2007 và Lữ Minh T, sinh ngày 14/6/2016. Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị T, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0021519 ngày 07-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh